

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ

Ngày: 31/8/2022.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Lũng;

Ông Võ Văn Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Cẩm L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Đội 4, thôn B, xã H, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Nhân T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Cẩm L trình bày: Bà L và ông Phan Nhân T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V vào năm 2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông T ham mê bài bạc, không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, say xỉn, chửi mắng xúc phạm, đánh đập, không tôn trọng bà L. Bà L đã cố gắng chịu đựng vì các con nhiều lần cho ông T cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ tháng 01/2022 đến nay, bà L và con chung cháu Phan Thị Thùy T thuê nhà trọ ở Diên Hòa để sinh sống, không còn sống với ông T, giữa hai bên không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà L xác định không còn

tình cảm với ông T, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân giữa hai bên vì mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được nên bà L yêu cầu được ly hôn ông T. Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Phan Thị Thùy T, sinh ngày 11/7/2005 và Phan Thế A, sinh ngày 19/7/2008. Bà L yêu cầu được nuôi cháu T; đồng ý giao cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Đối với bị đơn ông Phan Nhân T, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với ông T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T; về con chung: Giao con chung cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 11/7/2005 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cháu Phan Thế A, sinh ngày 19/7/2008 cho ông Phan Nhân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà L, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Bà L, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Bà L xác định không có nên không xem xét; về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Nhân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Cẩm L và ông Phan Nhân T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông T thường xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc ông T không lo làm ăn, hay chơi cờ bạc, nhậu nhẹt, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng với bà L. Hiện bà L và ông T đã không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi (ông T đang ở Đ còn bà L đang thuê nhà ở xã H). Quá trình giải quyết vụ án, ông T được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều này thể hiện ông T đã không quan tâm, mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà L. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn ông T.

[3]. Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Phan Thị Thùy T, sinh ngày 11/7/2005 và Phan Thế A, sinh ngày 19/7/2008. Xét hiện con chung cháu T đang do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T có nguyện vọng muốn ở với bà L; cháu A đang do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu A có nguyện vọng muốn ở với ông T nên Hội Đ xét xử ghi nhận về yêu cầu nuôi các con chung và cấp dưỡng nuôi chung của bà L đã trình bày tại phiên tòa, cụ thể bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A; bà L và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bà L, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị Cẩm L được ly hôn ông Phan Nhân T.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Cẩm L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 11/7/2005; ông Phan Nhân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phan Thế A, sinh ngày 19/7/2008; bà L và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bà Đặng Thị Cẩm L và ông Phan Nhân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Cẩm L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn Đ) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007757 ngày 18/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã X (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

